



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Các văn bản thành lập</b>	Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.  Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2021.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Quang Định Ông Nguyễn Quang Dũng Ông Trần Vũ Nam Ông Nguyễn Hữu Quang Ông Nguyễn Khắc Trí Ông Giang Trung Kiên	Chủ tịch ( <i>từ ngày 17/5/2023</i> ) Chủ tịch ( <i>đến ngày 17/5/2023</i> ) Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Kiều Văn Chiến Bà Lê Thị Hải Ông Doãn Duy Đạo	Trưởng ban Thành viên Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Hữu Quang Ông Nguyễn Khắc Trí Ông Nguyễn Đăng Công Bà Đỗ Thị Vân Chi Ông Nguyễn Việt Dũng Ông Bùi Thanh Định Ông Phạm Thanh Sơn	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 1/4/2023</i> ) Phó Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 1/4/2023</i> ) Phó Tổng Giám đốc ( <i>đến ngày 1/7/2023</i> )
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Tầng 20, Tòa nhà Mipecc Tower Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00213-24-1

Trương Vĩnh Phúc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1901-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2594-2024-007-1

Hà Nội, **29-03-2024**

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.833.461.596.721</b>	<b>1.879.454.816.078</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>51.167.581.113</b>	<b>41.784.114.106</b>
Tiền	111		51.167.581.113	41.784.114.106
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.191.858.624.260</b>	<b>1.256.534.282.544</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(1.951.375.740)	(1.875.717.456)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	1.191.200.000.000	1.255.800.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>459.471.861.173</b>	<b>473.887.685.201</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	360.391.567.098	344.898.888.846
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.066.805.750	518.428.517
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	97.977.281.175	128.403.977.828
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		36.207.150	66.390.010
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>120.379.790.569</b>	<b>89.579.357.650</b>
Hàng tồn kho	141		120.379.790.569	91.473.619.120
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.894.261.470)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.583.739.606</b>	<b>17.669.376.577</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.761.299.075	1.157.665.587
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.289.278.224	16.345.946.528
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	533.162.307	165.764.462

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>539.999.705.503</b>	<b>496.177.978.726</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>155.801.608.699</b>	<b>138.371.851.520</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	147.494.507.706	129.687.137.669
Nguyên giá	222		588.935.024.903	545.057.303.772
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(441.440.517.197)	(415.370.166.103)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.307.100.993	8.684.713.851
Nguyên giá	228		22.327.742.206	22.327.742.206
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.020.641.213)	(13.643.028.355)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>6.278.324.549</b>	<b>6.460.917.881</b>
Nguyên giá	231		9.043.165.265	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.764.840.716)	(2.582.247.384)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>28.025.455</b>	<b>41.655.949.601</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	28.025.455	41.655.949.601
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>275.487.708.826</b>	<b>198.487.708.826</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(c)	198.487.708.826	198.487.708.826
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	77.000.000.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>102.404.037.974</b>	<b>111.201.550.898</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	102.404.037.974	111.137.051.772
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	64.499.126
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.373.461.302.224</b>	<b>2.375.632.794.804</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.520.579.566.364</b>	<b>1.572.120.582.446</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.508.776.650.038</b>	<b>1.569.097.595.971</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	307.371.615.698	462.803.217.050
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		128.085.748	1.972.631.612
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.994.432.415	5.280.217.707
Phải trả người lao động	314		15.714.160.167	11.633.055.102
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.532.281.912	3.548.560.932
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	169.722.400
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	14.363.262.968	74.850.431.187
Vay ngắn hạn	320	18	1.163.262.120.514	1.003.740.975.052
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	3.051.619.138
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	1.410.690.616	2.047.165.791
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>11.802.916.326</b>	<b>3.022.986.475</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	11.802.916.326	3.022.986.475
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>852.881.735.860</b>	<b>803.512.212.358</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>852.881.735.860</b>	<b>803.512.212.358</b>
Vốn cổ phần	411	21	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	21	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		150.360.203.236	140.350.898.933
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		99.144.852.624	59.784.633.425
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.173.543.622	4.462.905.890
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		87.971.309.002	55.321.727.535
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.373.461.302.224</b>	<b>2.375.632.794.804</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Đinh Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.809.836.593.667	3.297.749.169.654
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	12.428.157.190	10.647.237.660
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>2.797.408.436.477</b>	<b>3.287.101.931.994</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	2.700.889.690.924	3.175.830.642.955
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>96.518.745.553</b>	<b>111.271.289.039</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	171.792.277.524	172.014.238.792
Chi phí tài chính	22	27	75.461.597.990	62.557.868.966
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		68.361.485.832	55.487.784.217
Chi phí bán hàng	25	28	49.955.860.574	39.719.345.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	50.817.857.015	43.230.662.873
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>92.075.707.498</b>	<b>137.777.650.935</b>
Thu nhập khác	31		2.871.411.902	2.856.491.539
Chi phí khác	32		10.041	43.707.898
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.871.401.861</b>	<b>2.812.783.641</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>94.947.109.359</b>	<b>140.590.434.576</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	6.911.301.231	12.926.064.167
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	31	64.499.126	(64.499.126)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>87.971.309.002</b>	<b>127.728.869.535</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Đinh Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

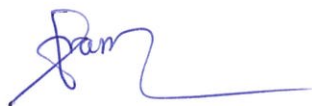
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(17.995.313.044)	(13.742.642.914)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	588.539.212	-
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.122.700.000.000)	(1.496.100.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	2.110.300.000.000	1.391.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	184.161.481.810	111.481.165.414
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>154.354.707.978</b>	<b>(6.561.477.500)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	2.874.947.856.566	2.955.264.869.302
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.715.426.711.104)	(2.972.129.522.003)
Tiền trả cổ tức	36	(90.504.417.420)	(84.471.476.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>69.016.728.042</b>	<b>(101.336.129.101)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>9.383.871.781</b>	<b>(7.357.523.244)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>41.784.114.106</b>	<b>49.141.802.543</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(404.774)</b>	<b>(165.193)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>51.167.581.113</b>	<b>41.784.114.106</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:


Đinh Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

# **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

## **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 6 tháng 7 năm 2017 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 VND.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

#### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

#### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2023: 6 công ty con) được liệt kê trong Thuyết minh 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 286 nhân viên (1/1/2023: 272 nhân viên).

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) hoặc bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) Các khoản đầu tư

##### (i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### (ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### (iii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty về khả năng có thể thu hồi của các khoản phải thu.

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm. Dự phòng của hàng tồn kho được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, trong trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (f) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 10 năm
▪ dụng cụ quản lý	3 – 6 năm

#### (g) Tài sản cố định vô hình

##### (i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 60 năm. Tổng Công ty không tính khấu hao cho các lô đất mà có quyền sử dụng đất vô thời hạn..

##### (ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (h) Bất động sản đầu tư

##### *Bất động sản đầu tư cho thuê*

###### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

###### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 50 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 48 năm

#### (i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### (j) Chi phí trả trước dài hạn

##### (i) *Vỏ bình gas*

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được. Theo đó, vỏ bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

##### (ii) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

## **Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### **(iii) Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm công cụ dụng cụ, bảo hiểm cháy nổ và các chi phí trả trước khác.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Chi phí bảo hiểm cháy nổ và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm tùy theo hợp đồng.

#### **(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

#### **(l) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### **(m) Vốn cổ phần**

##### **(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi tăng thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(n) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



## Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

#### (p) Doanh thu và thu nhập khác

##### (i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

##### (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### (iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

##### (iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vô bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(v) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vi) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con của Tổng Công ty, công ty mẹ (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam), và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**(t) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước học nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	273.240.176	22.069.872
Tiền gửi ngân hàng	50.894.340.937	41.762.044.234
	51.167.581.113	41.784.114.106

**5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	Số lượng	Giá gốc VND	31/12/2023 Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	658.624.260	(1.951.375.740)
			1/1/2023	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường (*) VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	100.000	2.610.000.000	734.282.544	(1.875.717.456)

(\*) Giá thị trường của khoản đầu tư vào công ty này được xác định bằng cách tham chiếu giá bình quân của cổ phiếu của công ty được niêm yết trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) trong vòng 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.191.200.000.000	1.191.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	77.000.000.000	(**)
	<hr/>	<hr/>
	1.268.200.000.000	1.268.200.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.255.800.000.000	1.255.800.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c)	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	31/12/2023		1/1/2023					
		% sở hữu và % quyền biểu quyết	Địa chỉ	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	Đầu tư góp vốn vào công ty con:								
	• Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	100%	Thành phố Hồ Chí Minh	70.000.000.000	-	(**)	70.000.000.000	-	(**)
	• Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	100%	Đà Nẵng	40.000.000.000	-	(**)	40.000.000.000	-	(**)
	• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	100%	Hải Phòng	30.000.000.000	-	(**)	30.000.000.000	-	(**)
	• Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	100%	Hà Nội	20.000.000.000	-	(**)	20.000.000.000	-	(**)
	• Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	100%	Cần Thơ	27.000.000.000	-	(**)	27.000.000.000	-	(**)
	• Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	51%	Thành phố Hồ Chí Minh	11.487.708.826	-	(**)	11.487.708.826	-	(**)
				<u>198.487.708.826</u>	<u>-</u>		<u>198.487.708.826</u>	<u>-</u>	

(\*\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và bên liên quan:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Các công ty con		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	122.009.808.448	107.526.018.976
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	39.374.649.148	29.118.135.041
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	52.886.061.949	46.123.306.444
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	37.891.496.322	43.811.797.069
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	38.558.647.776	42.051.131.707
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	38.654.434.752	34.099.519.392
<b>Bên khác</b>		
Các khách hàng khác	31.016.468.703	42.168.980.217
	360.391.567.098	344.898.888.846

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Ngoài ra, khoản phải thu thương mại từ các công ty con chịu lãi trả chậm theo thỏa thuận.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi tiền gửi	29.301.852.876	48.278.204.658
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia		
▪ Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	10.679.332.305	14.385.655.286
▪ Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	11.779.968.948	13.606.664.076
▪ Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	13.436.753.083	15.308.927.962
▪ Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	1.755.132.345	3.143.940.730
▪ Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	28.015.508.092	26.457.633.720
▪ Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	-	4.335.000.000
Phải thu người lao động	1.174.248.308	979.331.447
Phải thu ngắn hạn khác	1.834.485.218	1.908.619.949
	97.977.281.175	128.403.977.828

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	42.786.071.660	-	14.301.772.239	-
Nguyên vật liệu	14.160.272.202	-	9.392.190.039	-
Hàng hóa	63.433.446.707	-	67.779.656.842	(1.894.261.470)
	<u>120.379.790.569</u>	<u>-</u>	<u>91.473.619.120</u>	<u>(1.894.261.470)</u>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	209.264.429.303	281.141.541.257	43.316.705.303	11.334.627.909	545.057.303.772
Tăng trong năm	328.703.704	-	-	205.236.363	533.940.067
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	2.636.301.179	39.700.419.455	2.689.980.909	-	45.026.701.543
Thanh lý	(190.886.123)	(783.425.265)	(708.609.091)	-	(1.682.920.479)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>212.038.548.063</b>	<b>320.058.535.447</b>	<b>45.298.077.121</b>	<b>11.539.864.272</b>	<b>588.935.024.903</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	136.466.817.569	238.937.665.807	31.716.795.443	8.248.887.284	415.370.166.103
Khấu hao trong năm	7.834.650.060	15.293.564.309	3.001.379.820	1.061.091.933	27.190.686.122
Thanh lý	(190.886.123)	(783.425.265)	(146.023.640)	-	(1.120.335.028)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>144.110.581.506</b>	<b>253.447.804.851</b>	<b>34.572.151.623</b>	<b>9.309.979.217</b>	<b>441.440.517.197</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	72.797.611.734	42.203.875.450	11.599.909.860	3.085.740.625	129.687.137.669
Số dư cuối năm	67.927.966.557	66.610.730.596	10.725.925.498	2.229.885.055	147.494.507.706

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 254.354 triệu VND (1/1/2023: 209.928 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	10.576.243.470	11.751.498.736	22.327.742.206
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.731.099.942	10.911.928.413	13.643.028.355
Khấu hao trong năm	113.940.000	263.672.858	377.612.858
Số dư cuối năm	2.845.039.942	11.175.601.271	14.020.641.213
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	7.845.143.528	839.570.323	8.684.713.851
Số dư cuối năm	7.731.203.528	575.897.465	8.307.100.993

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 10.559 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 10.519 triệu VND).

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.924.770.001	657.477.383	2.582.247.384
Khấu hao trong năm	139.140.000	43.453.332	182.593.332
Số dư cuối năm	2.063.910.001	700.930.715	2.764.840.716
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	5.032.635.469	1.428.282.412	6.460.917.881
Số dư cuối năm	4.893.495.469	1.384.829.080	6.278.324.549

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ số 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	41.655.949.601	482.974.725
Tăng trong năm	3.398.777.397	47.312.026.557
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(45.026.701.543)	(6.139.051.681)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	28.025.455	41.655.949.601

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Mở rộng sức chứa LPG Đà Nẵng	-	41.627.924.146
Các công trình khác	28.025.455	28.025.455
	<hr/>	<hr/>
	28.025.455	41.655.949.601

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Vỏ bình gas</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí</b> <b>trả trước khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	83.391.484.419	15.258.905.665	12.486.661.688	111.137.051.772
Tăng trong năm	10.682.179.000	-	356.600.000	11.038.779.000
Phân bổ trong năm	(17.283.841.617)	(612.469.932)	(560.541.920)	(18.456.853.469)
Thanh lý	(84.362.973)	-	-	(84.362.973)
Xuất bán cho công ty con	(1.230.576.356)	-	-	(1.230.576.356)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	75.474.882.473	14.646.435.733	12.282.719.768	102.404.037.974

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG – công ty con	5.426.775.320	4.720.276.736
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.468.869.794	1.444.872.484
<b>Bên khác</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam	126.882.007.306	273.533.734.243
– Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	108.654.052.518	164.768.303.902
Công ty TNHH EI Corporation	42.886.335.624	-
Itochu Petroleum Co., PTE.Ltd	2.157.259.173	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	20.196.798.820	18.336.029.685
Các nhà cung cấp khác		
	<b>307.672.098.555</b>	<b>462.803.217.050</b>

Khoản phải trả công ty con và các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số bù trừ/đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	312.829.179	658.844.785.306	(658.812.697.226)	344.917.259
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.013.903.059	63.501.349.458	(63.411.097.219)	1.104.155.298
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.953.485.469	6.911.301.231	(9.974.992.737)	889.793.963
Thuế xuất nhập khẩu	-	26.991.768.300	(24.456.439.055)	2.535.329.245
Thuế thu nhập cá nhân	(165.764.462)	3.833.144.375	(3.547.143.263)	120.236.650
Thuế khác	-	83.047.146	(616.209.453)	(533.162.307)
	<b>5.114.453.245</b>	<b>760.165.395.816</b>	<b>(760.818.578.953)</b>	<b>4.461.270.108</b>
Trong đó:				
Phải thu	(165.764.462)			(533.162.307)
Phải trả	5.280.217.707			4.994.432.415

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	1.048.384.759	3.094.974.438
Trích trước chi phí hoạt động	483.897.153	453.586.494
	1.532.281.912	3.548.560.932

**17. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	1.113.516.010	443.370.401
Cổ tức phải trả	320.484.500	72.723.116.420
Hàng hóa mượn Công ty TNHH Khí hóa lỏng Thăng Long	11.663.496.130	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.265.766.328	1.683.944.366
	14.363.262.968	74.850.431.187

**(b) Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

**18. Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2023</b>	<b>Biến động trong năm</b>		<b>31/12/2023</b>
	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND</b>
Vay ngắn hạn	1.003.740.975.052	2.874.947.856.566	(2.715.426.711.104)	1.163.262.120.514

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Ngân hàng Bank of China	VND	297.413.000.000	118.258.938.433
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	237.070.412.048	376.596.719.569
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	234.921.034.428	170.745.401.439
Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	199.133.349.296	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	170.288.711.319	186.047.187.554
Ngân hàng BNP Paribas	VND	24.435.613.423	118.856.739.265
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	VND	-	27.330.423.322
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	-	5.905.565.470
		<b>1.163.262.120.514</b>	<b>1.003.740.975.052</b>

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay tín chấp, chịu lãi suất cố định theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	2.047.165.791	1.115.575.796
Trích trong năm (Thuyết minh 20)	20.500.000.000	20.322.891.052
Sử dụng trong năm	(13.466.600.000)	(7.522.013.057)
Điều chuyển quỹ xuống công ty con	(7.669.875.175)	(11.869.288.000)
Số dư cuối năm	<b>1.410.690.616</b>	<b>2.047.165.791</b>

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	125.900.895.182	123.710.799.693	852.988.374.875
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	127.728.869.535	127.728.869.535
Phân bổ vào các quỹ	-	-	14.450.003.751	(14.450.003.751)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(20.322.891.052)	(20.322.891.052)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(156.882.141.000)	(156.882.141.000)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	140.350.898.933	59.784.633.425	803.512.212.358
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	87.971.309.002	87.971.309.002
Phân bổ vào các quỹ	-	-	10.009.304.303	(10.009.304.303)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(20.500.000.000)	(20.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(18.101.785.500)	(18.101.785.500)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	603.426.380.000	(49.700.000)	150.360.203.236	99.144.852.624	852.881.735.860

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.392.850.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**22. Cổ tức**

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2023 về việc chia cổ tức năm 2022, tại cuộc họp ngày 17 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt phương án phân phối cổ tức năm 2022 bằng tiền là 90.509 triệu VND, trong đó có 72.407 triệu VND đã tạm ứng trong năm 2022 (2022: 84.475 triệu VND).

**23. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	583,41	14.040.084	606,63	14.311.704
Euro (“EUR”)	114,62	3.022.529	124,42	3.097.907
		17.062.613		17.409.611



**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng và ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	2.795.505.626.621	3.283.783.698.781
▪ Cung cấp dịch vụ	11.129.785.156	10.182.556.055
▪ Cho thuê bất động sản	3.201.181.890	3.782.914.818
	<hr/> 2.809.836.593.667	<hr/> 3.297.749.169.654
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(4.947.115.430)	(5.833.357.720)
▪ Hàng bán bị trả lại	(7.481.041.760)	(4.813.879.940)
	<hr/> (12.428.157.190)	<hr/> (10.647.237.660)
Doanh thu thuần	<hr/> 2.797.408.436.477	<hr/> 3.287.101.931.994

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	2.694.689.228.488	3.163.015.617.581
▪ Cung cấp dịch vụ	6.003.620.391	10.078.570.193
▪ Kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	2.091.103.515	2.865.759.017
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.894.261.470)	(129.303.836)
	<hr/> 2.700.889.690.924	<hr/> 3.175.830.642.955

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	86.837.587.611	73.819.914.911
Lợi nhuận được chia	66.776.415.416	83.648.480.750
Lãi bán hàng trả chậm	11.533.682.187	6.801.555.270
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.573.371.891	3.070.751.309
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	71.220.419	4.673.536.552
	171.792.277.524	172.014.238.792

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	68.361.485.832	55.487.784.217
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	75.658.284	853.721.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.024.453.874	6.216.362.863
	75.461.597.990	62.557.868.966

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	5.196.424.015	4.070.273.064
Chi phí khấu hao	180.989.406	228.186.175
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	17.283.841.617	18.003.552.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.744.138.888	8.694.281.693
Chi phí bán hàng khác	19.550.466.648	8.723.051.880
	49.955.860.574	39.719.345.057

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	21.424.047.609	19.407.070.223
Chi phí khấu hao	2.321.056.647	2.180.291.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.313.100.203	15.393.564.870
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.759.652.556	6.249.736.360
	50.817.857.015	43.230.662.873

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	15.577.095.716	19.952.073.949
Chi phí nhân viên	74.591.474.203	62.932.697.741
Chi phí khấu hao	28.363.362.244	30.904.160.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.514.684.083	66.707.840.398
Chi phí khác	64.916.217.215	46.465.136.993

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b> Năm hiện hành	6.911.301.231	12.926.064.167
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b> Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	64.499.126	(64.499.126)
Chi phí thuế thu nhập	6.975.800.357	12.861.565.041

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	94.947.109.359	140.590.434.576
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	18.989.421.872	28.118.086.915
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.341.661.568	1.473.174.276
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(13.355.283.083)	(16.729.696.150)
	<b>6.975.800.357</b>	<b>12.861.565.041</b>

(\*) Đây là các khoản thu nhập từ cổ tức thu được từ các khoản đầu tư vào các công ty con.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của luật thuế Thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b> <i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i> Cổ tức trả	9.481.289.7000	82.171.177.400
<b>Công ty con</b> <i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội</i> Bán hàng hóa Lợi nhuận được chia	335.402.815.579 11.779.968.948	361.662.541.202 13.606.664.076
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn</i> Bán hàng hóa Lợi nhuận được chia	582.977.647.558 28.015.508.092	668.268.229.970 26.457.633.720
<i>Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng</i> Bán hàng hóa Lợi nhuận được chia	440.429.328.146 13.436.753.083	570.388.429.175 15.308.927.962

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ</b>		
Bán hàng hóa	198.294.131.377	244.572.936.672
Lợi nhuận được chia	1.755.132.345	3.143.940.730
<b>Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng</b>		
Bán hàng hóa	615.246.064.067	678.276.826.875
Lợi nhuận được chia	10.679.332.305	14.385.655.286
<b>Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G</b>		
Mua hàng hóa	21.826.140.176	56.044.416.160
Lợi nhuận được chia	1.109.720.643	10.745.658.976
<b>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
<b>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</b>		
Bán hàng hóa	49.387.740.920	62.006.047.540
<b>Công ty Xăng dầu Hà Giang</b>		
Bán hàng hóa	39.113.827.320	44.885.559.440
<b>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn – Công ty Xăng dầu Hà Bắc</b>		
Bán hàng hóa	25.895.286.150	30.240.897.480
<b>Công ty Xăng dầu Bắc Thái</b>		
Bán hàng hóa	23.204.562.380	27.020.001.900
<b>Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc – Công ty Xăng dầu Khu vực I</b>		
Bán hàng hóa	12.404.595.900	28.272.984.326
<b>Chi nhánh Xăng dầu Sơn La – Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình</b>		
Bán hàng hóa	26.862.818.010	31.889.013.960
<b>Công ty Xăng dầu Tuyên Quang</b>		
Bán hàng hóa	21.629.048.040	26.552.565.070
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</b>		
Bán hàng hóa	128.737.209.405	142.260.157.570

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<b>Lương thưởng và thù lao</b>		
Ông Nguyễn Quang Định – Chủ tịch (từ ngày 17/5/2023)	614.555.955	-
Ông Nguyễn Quang Dũng – Chủ tịch (đến ngày 17/5/2023)	55.416.000	227.910.205
Ông Trần Vũ Nam – Ủy viên	104.004.000	144.026.883
Ông Nguyễn Hữu Quang – Tổng Giám đốc	897.167.687	1.065.540.126
Ông Nguyễn Khắc Trí – Phó Tổng Giám đốc Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	628.096.910	745.934.258
Ông Giang Trung Kiên - Ủy viên (từ ngày 14/4/2022)	104.004.000	103.367.913
<b>Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác</b>		
<b>Lương thưởng và thù lao</b>		
Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/7/2023)	290.707.364	745.934.258
Ông Nguyễn Đăng Công – Phó Tổng Giám đốc	628.096.910	745.934.258
Bà Đỗ Thị Vân Chi – Phó Tổng Giám đốc	626.514.800	745.934.258
Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	82.776.000	-
Ông Bùi Thanh Định – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/4/2023)	483.357.274	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kế toán trưởng	542.491.249	644.267.013
<b>Ban Kiểm soát</b>		
<b>Lương và thù lao</b>		
Ông Kiều Văn Chiến – Trưởng ban	627.885.392	745.934.258
Bà Lê Thị Hải – Thành viên	438.971.901	521.629.730
Ông Doãn Duy Đạo – Thành viên	72.686.000	26.067.552

**Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Đinh Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Huyền  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Quang  
Tổng Giám đốc